TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 63/2020/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 29 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ H

- Căn cứ vào các Điều 397, 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;
- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 104/2020/TLST-HNGĐ ngày 19-5-2020 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn*" giữa:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. A Phí Văn M, sinh năm 1990;
2. Chị Lê Thị Tr, sinh năm 1992;

Cùng trú tại: Thôn Đ , xã Đ , huyện T , Thành phố H .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] ***Về quan hệ hôn nhân:*** A Phí Văn M và chị Lê Thị Tr tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, Thành phố H ngày 14/11/2016. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn kéo dài, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. A M, chị Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn, cùng tự nguyện yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng là trầm trọng, không thể hàn gắn được; yêu cầu về việc công nhận thuận tình ly hôn của A, chị là phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2] ***Về con chung:*** A Phí Văn M và chị Lê Thị Tr xác nhận có 01 con chung là Phí Hoàng A, sinh ngày 21-10-2016. Ly hôn, A chị thỏa thuận giao con chung Phí Hoàng A cho A M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có thay đổi khác. A M không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thỏa thuận của A, chị là phù hợp với hoàn cảnh thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được chấp nhận.

[3] ***Về tài sản chung, công nợ chung***: A Phí Văn M và chị Lê Thị Tr tự nguyện không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không xét.

[4] ***Về lệ phí:*** A Phí Văn M và chị Lê Thị Tr mỗi người nộp 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa A Phí Văn M và chị Lê Thị Tr.

1.2. Về con chung: A Phí Văn M và chị Lê Thị Tr có 01 con chung là Phí Hoàng A, sinh ngày 21-10-2016. Giao A M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phí Hoàng A cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có thay đổi khác. A M tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Tr cho đến khi có quyết định thay đổi khác. Chị Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con

1.3. Về tài sản chung, công nợ chung: A Phí Văn M và chị Lê Thị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: A Phí Văn M nộp 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 150.000 đồng tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số 07156 ngày 19-5-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Chị Lê Thị Tr nộp 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 150.000 đồng tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 07157 ngày 19-5-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND Thành phố H;*
- *VKSND huyện T (02 bản);*
- *Chi cục THADS huyện T;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Đ, huyện T, H (Nơi thực hiện đăng ký kết hôn);*
- *Lưu HSVDS/VP.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Thủy